

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25- 02- 2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Bảo
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đoàn Trọng G, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm H, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Tổ 7, khu phố H, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 18/11/2019, bản tự khai, nguyên đơn anh Đoàn Trọng G trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Cẩm H có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước vào ngày 25/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thị xã B, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm. Nhưng sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Đến cuối năm 2015, anh về quê tại xã Q, thị xã B sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến

ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh kiên quyết xin được ly hôn với chị H. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Đoàn Hy T, sinh ngày 21/9/2012, nếu ly hôn anh yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị Cẩm H trình bày: Chị và anh G có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước vào ngày 25/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai và chị cũng có nguyện vọng xin được ly hôn với anh G. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Đoàn Hy T, sinh ngày 21/9/2012, nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, vì con hiện tại đang ở với chị. Chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con, vì chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đoàn Trọng G và chị Huỳnh Thị Cẩm H có Biên bản thoả thuận chọn Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình để giải quyết ly hôn. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm H, song xét thấy do điều kiện công việc ở xa, đi lại khó khăn, con không có người trông giữ nên chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị Cẩm H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh G và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước, vào ngày 25/6/2012. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 9/2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh G

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được hôn với chị H. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H cũng có nguyện vọng xin được ly hôn với anh G. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và hai bên đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh G, xử cho anh Đoàn Trọng G được ly hôn với chị Huỳnh Thị Cẩm H.

[3]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Hy T, sinh ngày 21/9/2012; nếu vợ chồng ly hôn anh G yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật, chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy hiện tại con đang sống chung với chị H, chị H có nguyện vọng xin được nuôi con, cháu Đoàn Hy T cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, nếu ba mẹ ly hôn. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Đoàn Hy T, sinh ngày 21/9/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh G không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống anh G và chị H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Đoàn Trọng G phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Huỳnh Thị Cẩm H
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Trọng G được ly hôn với chị Huỳnh Thị Cẩm H.

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Đoàn Hy T, sinh ngày 21/9/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh G không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ qua lại thăm nom con mà không được ai cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc anh Đoàn Trọng G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002474, ngày 06/12/2019. Anh G đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà